

Số: 2102/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 03 tháng 10 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa lớn định kỳ  
ĐT757 đoạn từ Km23+600 - Km29+500 tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1196/TTr - SKHĐT ngày 29/9/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa lớn định kỳ ĐT757 đoạn Km23+600 - Km29+500 tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Sửa chữa lớn định kỳ ĐT757 đoạn Km23+600 - Km29+500 tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Tân Phú.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Đặng Văn Đức.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình nhằm sửa chữa kịp thời sự hư hỏng, xuống cấp, bảo đảm tính bền vững của công trình, đảm bảo an toàn cho việc giao thông trên tuyến đường. Đáp ứng nhu cầu giao thông, vận chuyển hàng hóa ngày càng tăng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

6. Nội dung và quy mô đầu tư: Sửa chữa lớn đoạn tuyến đường của công trình hiện hữu, gồm các nội dung như sau:

- Chiều dài tuyến: 5.900m.

- Kết cấu mặt đường: Cấp cao A2.

- Hệ thống thoát nước.

- Hệ thống biển báo hiệu đường bộ.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích sử dụng đất: Theo tuyến công trình hiện hữu.

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở): Quy mô, thông số kỹ thuật chủ yếu: Đường thiết kế theo TCVN 4054-2005, đường cấp IV, các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Chiều rộng nền, mặt đường: Theo chiều rộng nền, mặt đường hiện hữu (nền đường rộng 9m, mặt đường rộng 6m, lề đường rộng 2x1,5m).

- Tải trọng thiết kế công trình: Tải trọng trục xe 10T.

- Vận tốc thiết kế: 40km/h.

- Kết cấu mặt đường: Làm mới kết cấu mặt đường cấp cao A2 (Láng nhựa) trên mặt đường láng nhựa hiện hữu đã bị xuống cấp, cụ thể kết cấu mặt đường làm mới như sau:

+ Láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm tiêu chuẩn 4,5 kg/m<sup>2</sup>.

+ Lớp đá 4x6 chèn đá dăm dày 30cm, E ≥ 135Mpa.

+ Lớp cấp phối sỏi đỏ bù vênh mặt đường cũ dày 10-15cm; lu lèn K ≥ 0,98; E ≥ 90Mpa.

+ Mặt láng nhựa đường hiện hữu.

- Kết cấu lề đường: Đắp đất cấp III (sỏi đỏ) dày trung bình 33,5cm; lu lèn đạt K ≥ 0,95.

- Hệ thống thoát nước:

+ Thoát nước ngang: Tận dụng hệ thống thoát nước ngang hiện hữu.

+ Thoát nước dọc: Tận dụng hệ thống thoát nước hiện hữu và khơi thông những vị trí bị bồi đắp.

- Hệ thống biển báo hiệu đường bộ: Tận dụng hệ thống cọc tiêu biển báo hiệu hiện hữu và bổ sung một số cọc tiêu, biển báo hiệu trên tuyến.

\* Các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000;
- Quy trình tính toán thủy văn 22TCN 220-95;
- Tiêu chuẩn thiết kế đường TCVN 4054-2005;
- Tiêu chuẩn thiết kế áo đường mềm 22TCN211-06;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu nền đường ô tô TCVN 9436:2012;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên TCVN 8857:2011;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2011;
- Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu mặt đường láng nhựa nóng TCVN 8863:2011;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2012/BGTVT.

10. Loại công trình: Công trình giao thông.

11. Nhóm dự án: Nhóm C.

12. Phương án xây dựng: Sửa chữa công trình hiện hữu.

13. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không.

14. Tổng mức đầu tư: 27.180.274.495 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 21.067.607.088 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 475.917.244 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.562.524.040 đồng
- Chi phí khác: 253.306.998 đồng
- Chi phí dự phòng: 3.820.919.125 đồng

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương.

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2014 - 2016.

18. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Bảng kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Quyết định này.



**Điều 2.** Sở Giao thông vận tải là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT, (Ngh: 06.10).

10k

**CHỦ TỊCH**<sub>TM</sub>



*Nguyễn Văn Trăm*

## KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU (PHẦN THỰC HIỆN NĂM 2014)

Công trình: Sửa chữa lớn định kỳ ĐT757 đoạn Km23+600-Km29+500 tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 03 / 10 /2014 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên và nội dung gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
<b>I</b>	<b>Xây lắp</b>		Vốn Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương					
1	Gói thầu số 1: Đoạn từ Km23+600-Km26+400	10.402.361.715		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2014	Trọn gói	120 ngày
<b>II</b>	<b>Dịch vụ phi tư vấn</b>							
1	Bảo hiểm xây lắp gói thầu số 1.	43.689.919		Chỉ định thầu (rút gọn)	-	Quý IV/2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công
<b>III</b>	<b>Dịch vụ tư vấn</b>							
1	Khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công và lập thiết kế bản vẽ thi công gói thầu số 1	276.684.605		Chỉ định thầu (rút gọn)		Quý IV/2014	Trọn gói	30 ngày
2	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp gói thầu số 1	20.804.723		Chỉ định thầu (rút gọn)	-	Quý IV/2014	Trọn gói	50 ngày
3	Thẩm định hồ sơ mời thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 1	10.402.362		Tự thực hiện	-	Quý IV/2014	-	30 ngày
4	Giám sát thi công gói thầu xây lắp gói thầu số 1	266.508.507		Chỉ định thầu (rút gọn)	-	Quý IV/2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công